TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 01 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cao Xuân Bằng
2. Bà: Lê Thị Hiền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Bá Thước. Ông Hà Văn Quyển - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1991
Nơi cư trú: Thôn S, xã Tr, huyện Th, tỉnh H.
HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện Th, tỉnh H (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Th, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Văn Đ sinh năm 1962 (bố đẻ của Nguyễn Văn L) người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Văn L (có mặt).

Cháu: Nguyễn Văn L sinh 06/11/2009 (Con trai của Nguyễn Văn L và Bùi Thị Th (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn L tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2009 tại UBND xã Lương Nội, huyện Th, tỉnh H, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào ngày 02/9/2009. Chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc cho đến cuối năm 2009 thì có con chung, đến đầu năm 2014 thì trong quá trình chung sống do làm ăn khó khăn anh L thường xuyên đánh tôi, được hai gia đình hòa giải, nhưng sau một thời gian ngắn anh L lại đánh tôi phải đi nằm viện, từ đó mâu thuẩn vợ chồng ngày một mâu thuẫn trầm trọng và kể từ đó chúng tôi đã sống ly thân cho đến nay, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được, nay tôi cương quyết xin ly hôn, mong Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được ly hôn để tôi sớm có cuộc sống ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn L có một con chung tên cháu là Nguyễn Văn L sinh ngày 06/11/2009 hiện cháu đang ở với anh Nguyễn Văn L và ông bà nội là Nguyễn Văn Đ, nay tôi đồng ý để cho anh Nguyễn Văn L và ông bà nội cháu trực tiếp được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên, tôi không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản: Tôi và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không nợ người ngoài, người ngoài không nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án và là người đại diện hợp pháp của cháu L: Ông Nguyễn Văn Đ trình bày, tôi xin được cùng bố cháu là Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên Tòa hôm nay, xin được trực tiếp nuôi cháu và chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên, tôi không yêu cầu mẹ cháu là cô Bùi Thị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Cháu Nguyễn Văn L trình bày: Cho cháu xin được ở với bố cháu là Nguyễn Văn L và ông bà nội cháu là Nguyễn Văn Đ vì cháu đã sống từ nhỏ với bố và ông bà nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Th tỉnh H phát biểu ý kiến:

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thấy rằng chị Thắm và anh L tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tự nguyện và có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Văn L sinh ngày 06/11/2009.

Sau khi đã xem xét đầy đủ toàn diện nội dung vụ án, Viện kiểm sát xét thấy: Chị Th và anh L tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Đến thời điểm hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Th và áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn và đều có nơi cư trú: Thôn Đòn, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, nay chị Th khởi kiện ly hôn, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền án giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn L vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại Điều 227 và 228 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn L xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện lấy nhau được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được UBND xã N đăng ký kết hôn vào ngày

23/11/2009 nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến năm 2014 thì chị Thắm bỏ nhà ra đi và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy anh L không có mặt nhưng vợ chồng đã ly thân từ 2014 cho đến nay nên hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Th là đúng với căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng chị Bùi Thị Th đồng ý để con là Nguyễn Văn L cho anh Nguyễn Văn L và ông bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, thấy rằng hiện nay cháu Nguyễn Văn L đang ở với anh Nguyễn Văn L và ông bà nội là Nguyễn Văn Đ và đây cũng là nguyện vong của cháu L và ông nội tại phiên tòa nên giao cháu cho anh L và ông nội tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Không có ai yêu cầu chị Bùi Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con và đây cũng là nguyện vọng của chị nên không buộc chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản: Chị Bùi Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết anh Nguyễn Văn L cố tình vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

* Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

* Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Văn L sinh ngày 06/11/2009 là con chung của anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Thị Th. Giao cháu Nguyễn Văn L cho anh Nguyễn Văn L và ông bà nội là ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Về tài sản: Chị Bùi Thị Th không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004948 ngày 16/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước tỉnh Thanh Hóa. (chị Bùi Thị Th đã nộp đủ).

* Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết án sơ thẩm tại UBND xã N huyện Th, tỉnh H.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Th;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đại Long